

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẤT ĐỎ
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

Bản án số 30/2022/DSST

Ngày 27-6-2022

“V/v t/c hợp đồng vay tài sản”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẤT ĐỎ, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Tiến.
- *Các hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Hà.
Bà Huỳnh Thị Thuận.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mai, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tùng Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 30/2022/TLST- DS ngày 08 tháng 3 năm 2022. Về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2020/QĐXXST- DS ngày 09/5/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2022/QĐST- DS ngày 09/6/2022 giữa các đương sự:

* ***Nguyên đơn:*** Ông Trần Ngọc B, sinh năm 1979. Có mặt.

Bà Nguyễn Thanh Ng, sinh năm 1981. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: tổ 2, khu phố 4, phường Ph, thành phố B, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

* ***Bi đơn:*** Ông Nguyễn Trí T, sinh năm 1970. Vắng mặt.

Bà Hồ Thị B, sinh năm 1985. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: ấp P, xã Ph, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**Theo đơn khởi kiện ghi ngày 23/02/2022, bản khai tiếp theo, biên bản hòa giải nguyên đơn ông Trần Ngọc B, bà Nguyễn Thanh Ng trình bày như sau:* Vào năm 2019 vợ chồng ông B, bà Ng sửa nhà có quen biết với vợ chồng ông T bà B, do vợ chồng ông T bà B có mở cửa tiệm kinh doanh gia công nhôm kính trong cùng khu phố 4, phường Phước Hưng. Qua tìm hiểu biết được sơ sở kinh doanh nhôm – kính của ông T bà B hoạt động tốt, có rất nhiều khách hàng, vợ chồng ông B, bà Ng tin tưởng đặt cửa và nội thất cho cơ sở ông T gia công. Khoảng tháng 5/2020 bà B nói đang cần vốn để nhập hàng làm công trình lớn, nên gợi ý vay vốn của vợ chồng ông B, bà Ng, thời điểm này do mới làm nhà không còn tiền, nhưng bà B năn nỉ nhờ ông B, bà Ng vay giúp trong thời hạn 3 tháng lấy tiền công trình sẽ thanh toán và tính lãi suất 5%/tháng. Tin tưởng ông T bà B làm ăn uy tín có nhiều khách hàng, nên vợ chồng ông B bà Ng dùng số tiền tiếp kiệm cho vợ chồng ông T bà B vay làm 2 lần và

có ghi giấy tay cùng ngày 20/12/2020: 01 giấy cho vay số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng), thời hạn là 3 tháng, lãi suất 4% tính từ ngày 20/12/2020; 01 giấy cho vay số tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng) thời hạn vay 3 tháng, lãi suất 5%/tháng tính từ ngày 20/12/2020. Kể từ ngày vay cho đến nay ông T bà B không thanh toán tiền lãi và tiền gốc đến hạn, ông B bà Ng gọi điện yêu cầu thanh toán tiền vay, nhưng ông T bà B trốn tránh nghĩa vụ trả nợ.

Nay, ông B bà Ng yêu cầu Tòa án buộc ông T bà B phải trả lại số tiền đã vay là 450.000.000đ, không yêu cầu lãi suất.

** Qua yêu cầu của nguyên đơn* Tòa án đã triệu tập bị đơn để cung cấp bản khai, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông T, bà B vắng mặt không lý do chính đáng, nên không có ý kiến phản đối, phản tố của ông T, bà B.

** Ý kiến của viện kiểm sát về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và đương sự, cũng như quan điểm về nội dung vụ án như sau:*

- Về tố tụng: Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án và các thủ tục tố tụng khác; Hội đồng xét xử chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Đối với đương sự bị đơn không chấp hành vi phạm Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng:

Ông Trần Ngọc B, bà Nguyễn Thanh Ng khởi kiện ông Nguyễn Trí T, bà Hồ Thị B tranh chấp hợp đồng vay tài sản, ông T bà B có hộ khẩu thường trú tại huyện Đất Đỏ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ theo quy định tại Điều 26; Điều 35; Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông T, bà B vắng mặt, mặc dù đã được cấp tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng, đủ căn cứ giải quyết vắng mặt đương sự quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

[1] Chứng cứ ông B và bà Ng cung cấp là 02 tờ giấy tay ghi cùng ngày 20/12/2020 có tiêu đề “Giấy vay tiền”, nội dung “Ông T bà B vay số tiền 300.000.000đ và 150.000.000đ”, bên dưới 02 tờ giấy có chữ ký và chữ viết tên cùng điểm chỉ của ông T bà B. Trong quá trình thụ lý vụ kiện, công khai chứng cứ, hòa giải mặc dù đã cấp tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng, nhưng ông T, bà B vắng mặt. Không thu thập được ý kiến của ông T, bà B có thừa nhận việc vay tiền như ông B, bà Ng trình bày hay không? Có ghi và ký vào 02 tờ giấy tay vay tiền do ông B bà Ng cung cấp tại tòa hay không? Đối với ông B bà Ng thì khẳng định 02 tờ giấy tay phía dưới là chữ viết và chữ ký cùng dấu điểm chỉ của ông T, bà B khi đã nhận đủ tiền vay do ông B bà Ng giao. Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định “Nghĩa vụ của đương sự phải cung cấp chứng cứ chứng minh bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của mình, đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản,

cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ chứng minh cho sự phản đối đó". Trong vụ kiện này ông B, bà Ng đã cung cấp chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, ông T, bà B không chấp hành theo giấy triệu tập, không cung cấp chứng cứ phản đối yêu cầu của ông B bà Ng mà không có lý do chính đáng, xem như chấp nhận chứng cứ do ông B, bà Ng cung cấp. Do đó có đủ căn cứ xác định ông T, bà B có vay tiền của ông B bà Ng như nội dung ghi trong hai tờ giấy vay tiền, yêu cầu của ông B bà Ng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc ông Nguyễn Trí T và bà Hồ Thị B có nghĩa vụ thanh toán cho ông B, bà Ng số tiền vay là 450.000.000đ, ông B bà Ng không yêu cầu lãi suất nên không xét.

[2] Về án phí: Ông Nguyễn Trí T, bà Hồ Thị B phải chịu án phí dân sự có giá ngạch là 22.000.000đ (Hai mươi hai triệu đồng), ông B bà Ng không phải chịu án phí

[3] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.
Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 91, 147, 227, 228, 271 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các Điều 116, 463, 466, 469 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Ngọc B, bà Nguyễn Thanh Ng về việc yêu cầu ông Nguyễn Trí T, bà Hồ Thị B trả nợ số tiền là 450.000.000đ (Bốn trăm năm mươi triệu đồng).

Buộc ông Nguyễn Trí T, bà Hồ Thị B có nghĩa vụ thanh toán cho ông Trần Ngọc B, bà Nguyễn Thanh Ng tiền nợ là 450.000.000đ (Bốn trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (Đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2 - Về án phí: Ông Nguyễn Trí T, bà Hồ Thị B phải nộp 22.000.000đ (Hai mươi hai triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Ông Trần Ngọc B, bà Nguyễn Thanh Ng không phải chịu án phí; Hoàn lại cho ông B bà Ng số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.000.000đ (Mười một triệu đồng) theo biên lai thu số 0009690 ngày 04/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đất Đỏ.

3 - Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 27/6/2022), đương sự vắng mặt tại phiên tòa mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 (7a, 7b) và 9 Luật thi hành

án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND H.Đất Đỏ;
- Các đương sự;
- CCTHADS;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Tiến